

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV/2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.757.907.199	243.261.114.395
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.173.873.286	15.074.159.158
Tiền	111		5.886.473.286	10.074.159.158
Các khoản tương đương tiền	112		14.287.400.000	5.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.875.789.523	35.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		28.965.789.523	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	60.910.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.351.187.667	117.768.526.105
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	124.607.513.174	108.193.474.442
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.511.458.406	7.086.198.066
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	23.247.037.005	3.130.288.460
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(2.014.820.918)	(641.434.863)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		58.874.495.825	71.676.034.188
Hàng tồn kho	141	5.7	58.874.495.825	71.676.034.188
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.482.560.898	3.742.394.944
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.482.560.898	3.742.394.944
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.094.440.543	85.010.394.057
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		64.719.352.345	48.306.455.908
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	64.719.352.345	48.306.455.908
- Nguyên giá	222		71.132.894.710	52.451.923.295
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.413.542.365)	(4.145.467.387)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	9.668.541.305
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.10	-	9.668.541.305
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	25.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	25.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.375.088.198	2.035.396.844
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.375.088.198	2.035.396.844
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		390.852.347.742	328.271.508.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		93.675.769.369	61.082.906.305
Nợ ngắn hạn	310		93.675.769.369	61.082.906.305
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	48.520.099.927	25.612.822.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	9.066.706.684	10.746.571.574
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	15.658.575.627	13.697.144.995
Phải trả người lao động	314		-	1.449.525.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	8.043.356.078
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.746.426.513	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	45.896.351	21.369.774
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.638.064.267	1.512.116.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297.176.578.373	267.188.602.147
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	297.176.578.373	267.188.602.147
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.512.574.110)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.848.768.939	66.547.443.814
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.347.443.818	15.590.589.410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.501.325.121	50.956.854.404
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.840.383.544	641.158.333
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		390.852.347.742	328.271.508.452

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC


 TÔNG GIÁM ĐỐC
 Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV Năm 2019		Quý IV Năm 2018		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018
			Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019	Quý IV Năm 2019	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019	Quý IV Năm 2018	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	145.751.501.936	526.529.919.920	177.756.126.339	490.455.472.531	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	145.751.501.936	526.529.919.920	177.756.126.339	490.455.472.531	
Giá vốn hàng bán	11	6.2	127.414.648.960	436.835.956.303	145.473.471.151	403.323.476.876	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.336.852.976	89.693.963.617	32.282.655.188	87.131.995.655	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.051.850.040	4.324.456.859	547.725.116	9.960.209.344	
Chi phí tài chính	22		-	2.227.455	28.524.227	28.524.227	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.227.455	28.480.239	28.480.239	
Chi phí bán hàng	25	6.4	740.669.076	3.050.527.481	4.190.675.379	8.614.549.615	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.335.308.350	28.375.639.474	7.438.565.056	24.192.394.914	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.312.725.590	62.590.026.066	21.172.615.642	64.256.736.243	
Thu nhập khác	31		1.002.360.900	1.036.096.840	533.587.061	597.766.544	
Chi phí khác	32	6.6	806.957.394	1.859.352.754	125.509.194	830.657.035	
Lợi nhuận khác	40		195.403.506	(823.255.914)	408.077.867	(232.890.491)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.508.129.096	61.766.770.152	21.580.693.509	64.023.845.752	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	2.523.167.501	13.123.951.139	4.448.051.945	13.026.187.734	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.984.961.595	48.642.819.013	17.132.641.564	50.997.658.018	
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.049.013.917	48.501.325.121	17.139.245.625	50.956.854.404	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(64.052.322)	141.493.892	(6.604.061)	40.803.614	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	355	2.438	857	2.550	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		355	2.438	857	2.550	

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]
Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga

Ngày 30 tháng 01 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]
Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	61.766.770.152	64.023.845.752
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.184.008.226	2.300.980.615
- Các khoản dự phòng	03	1.499.333.523	435.721.822
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.289.732.670)	(9.960.209.344)
- Chi phí lãi vay	06	2.227.455	28.480.239
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.162.606.686	56.828.819.084
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(36.752.523.304)	(39.656.971.620)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.801.538.363	(21.445.761.581)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.618.583.800	10.010.011.802
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	660.308.646	(436.489.794)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(28.965.789.523)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.227.455)	(28.480.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.275.619.342)	(5.637.972.672)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.046.877.871	(566.845.020)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.073.413.212)	(21.108.034.716)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	909.090.909	1.518.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.910.000.000)	(60.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	65.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.250.000.000	24.200.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.289.732.670	5.511.414.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.534.589.633)	(9.878.619.817)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.100.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.512.574.110)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.451.823.596	21.483.646.489
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.451.823.596)	(21.483.646.489)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.412.574.110)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.074.159.158	25.519.623.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.173.873.286	15074159158

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Loren Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty.

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	95,00%	95,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) và Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2018 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt	873.793.167	9.354.689.632
Tiền gửi ngân hàng	5.012.680.119	719.469.526
Các khoản tương đương tiền (i)	14.287.400.000	5.000.000.000
Cộng	20.173.873.286	15.074.159.158

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.910.000.000	81.600.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	60.910.000.000	81.600.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	124.607.513.174	108.193.474.442
- Công ty CP đầu tư và thương mại inbus	9.228.000.000	
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	33.617.508.265	
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh Spool	16.662.667.500	
- Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	14.805.467.288	
- Các khách hàng khác	50.293.870.121	108.193.474.442
Cộng	124.607.513.174	108.193.474.442

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh SPOOL	924.447.314	-
- Công ty CP Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta V	558.234.375	-
- Công ty TNHH FLUIDRA Việt Nam	354.119.957	2.086.387.411
- Các nhà cung cấp khác	4.674.656.760	4.999.810.655
Cộng	6.511.458.406	7.086.198.066

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5.5 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	14.033.665.117	-	2.630.054.478	-
Ký quỹ, ký cược	6.633.812.057	-	451.560.992	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.389.007	-	3.389.007	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.459.222.995	-	244.871.985	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	1.171.189.874	-	203.300.000	-
Phải thu khác	2.579.559.831	-	48.672.990	-
- Phải thu khác	2.579.559.831	-	48.672.990	-
Cộng	23.247.037.005	-	3.130.288.460	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.824.905.223	2.810.084.306	771.056.635	0
Từ 3 năm trở lên	-	-	511.813.091	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà</i>			154.253.091	-
<i>Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương</i>			282.800.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO</i>			74.760.000	-
Từ 2 đến dưới 3 năm	201.047.892	60.314.368	259.243.544	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyễn Xanh</i>	75.637.210	22.691.163	75.637.210	-
<i>Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương</i>	13.975.400	4.192.620	13.975.400	-
<i>Công ty TNHH Linh Chi</i>	-	-	58.195.652	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư DHC</i>	79.437.673	23.831.302	79.437.673	
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính</i>	31.997.609	9.599.282,70	31.997.609	
<i>Dưới 2 năm</i>	4.623.857.331	2.749.769.939		
<i>'Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Hà</i>	2.510.307.528	1.255.153.764		
<i>Công ty TNHH XD công nghiệp OLYMPIA</i>	2.113.549.803	1.494.616.175		
Cộng	4.824.905.223	2.810.084.306	771.056.635	-

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	580.772.503	-	1.980.184.229	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.420.017.895	-	51.660.972.384	-
- Hàng hóa	20.873.705.427	-	18.034.877.575	-
Cộng	58.874.495.825	-	71.676.034.188	-

5.8 Chi phí trả trước**Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.375.088.198	2.035.396.844
Cộng	1.375.088.198	2.035.396.844

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2019	41.561.395.574	6.314.925.046	4.575.602.675	-	52.451.923.295
Tăng trong kỳ	16.142.321.607	4.599.632.910	-	-	20.741.954.517
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.060.983.102)	-	(2.060.983.102)
31/12/2019	57.703.717.181	10.914.557.956	2.514.619.573	-	71.132.894.710
Giá trị hao mòn					
01/01/2019	2.204.277.915	498.227.889	1.442.961.582	-	4.145.467.387
Khấu hao trong kỳ	16.49.025.492	983.870.414	551.112.320	-	3.184.008.226
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(915933248)	-	(915933248)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

31/12/2019	3853303407	1482098305	1078140654	-	6.413.542.365
Giá trị còn lại					
01/01/2019	39.357.117.659	5.816.697.157	2.576.287.709	-	48.306.455.908
31/12/2019	53.850.413.774	9.432.459.652	1.436.478.919	-	64.719.352.345

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC	-	9.668.541.305
Cộng	-	9.668.541.305

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH đầu tư và thương mại Gia Vinh	5.469.800.741	5.469.800.741	-	-
- Công ty cổ phần tập đoàn Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	-	-
- Công ty CP thương mại vật liệu điện Nam Hà Nội	2.397.024.635	2.397.024.635	-	-
- Các nhà cung cấp khác	36.636.396.765	36.636.396.765	25.612.822.085	25.612.822.085
Cộng	48.520.099.927	48.520.099.927	25.612.822.085	25.612.822.085

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty CP Đầu tư An Lạc	5.447.510.194	-
- Công ty CP Phát triển thành phố Xanh	1.451.210.824	-
- Các khách hàng khác	2.167.985.666	10.746.571.574
Cộng	9.066.706.684	10.746.571.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	2.791.751.609	2.791.751.609	3.519.330.782	3.519.330.782
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.773.951.139	12.773.951.139	9.925.619.343	9.925.619.343
- Thuế thu nhập cá nhân	92.872.879	92.872.879	252.194.870	252.194.870
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	15.658.575.627	15.658.575.627	13.697.144.995	13.697.144.995

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Dự phòng phải trả

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.638.064.267	1.512.116.799
Cộng	1.638.064.267	1.512.116.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5.15 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
01/01/2018	200.000.000.000		15.790.589.410	600.354.719	216.390.944.129
Lợi nhuận trong năm trước	-		50.956.854.404	40.803.614	50.997.658.018
Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS	-		(200.000.000)	-	(200.000.000)
31/12/2018	200.000.000.000		66.547.443.814	641.158.333	267.188.602.147
01/01/2019	200.000.000.000		66.547.443.818	641.158.333	267.188.602.151
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát	-		-	10.100.000.000	10.100.000.000
Lợi nhuận kỳ này	-		48.501.325.121	141.493.892	48.642.819.013
Mua cổ phiếu quỹ		(8.512.574.110)			(8.512.574.110)
Phân phối lợi nhuận năm 2018	-		(20.000.000.000)	(42.268.681)	(20.000.000.000)
Thù lao HĐQT và BKS	-		(200.000.000)	-	(200.000.000)
31/12/2019	200.000.000.000	(8.512.574.110)	94.848.768.939	10.840.383.544	297.176.578.373

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	500.000	
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Trả cổ tức năm 2018	20.000.000.000	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018 (VND)
Tổng doanh thu	145.751.501.936	380.778.417.984	121.815.949.506	312.699.346.192
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	20.319.827.759	149.981.623.421	75.546.710.912	184.925.007.696
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	122.432.795.591	373.549.417.913	44.366.004.330	304.425.486.561
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.998.878.586	2.998.878.586	47.000.000	1.104.978.274
Doanh thu thuần	145.751.501.936	526.529.919.920	121.815.949.506	490.455.472.531

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm đã bán	58.507.017.139	180.849.646.733	53.723.161.825	183.171.187.717
- Giá vốn bán thành phẩm				
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	68.907.631.821	255.986.309.570	91.750.309.326	220.152.289.159
Cộng	127.414.648.960	436.835.956.303	145.473.471.151	403.323.476.876

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018 (VND)
- Lãi tiền gửi	1.031.869.792	3.039.732.670	547.725.116	4.960.209.344
- Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính	-	1.250.000.000	-	5.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	19.980.248	34.724.189	-	-
Cộng	1.051.850.040	4.324.456.859	547.725.116	9.960.209.344

6.4. Chi phí bán hàng

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018 (VND)
- Chi phí vật liệu	10.070.000	10.070.000	-	12.663.200
- Chi phí bảo hành công trình	136.218.916	783.146.362	1.145.756.288	1.684.545.834
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	594.380.160	2.257.311.119	3.044.919.091	6.917.340.581
Cộng	740.669.076	3.050.527.481	4.190.675.379	8.614.549.615

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2018 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	5.139.056.157	16.898.992.394	10.949.351.840	14.581.924.223
- Chi phí đồ dùng quản lý	-	90.739.695	1.007.890.374	1.103.760.993
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.694.992.081	3.305.359.338	1.365.798.366	1.795.973.588
- Thuế phí lệ phí	74.554.496	603.804.004	678.535.127	738.992.898
- Hoàn nhập, trích lập dự phòng	1.402.483.881	1.373.386.055	125.165.990	125.165.990
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.080.514.462	-	902.766.188
- Chi phí bằng tiền khác	1.024.221.735	4.022.843.526	4.369.547.421	4.943.811.034
Cộng	9.335.308.350	28.375.639.474	18.496.289.118	24.192.394.914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	năm 2019 (VND)	năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.123.951.139	13.026.187.734
Cộng	13.123.951.139	13.026.187.734

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	năm 2019 (VND)	năm 2018 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	12.113.722.602	11790425081
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	688.218.946	1235762653
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC PARK	38.440.840	-
Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC	283.568.751	-
Cộng	13.123.951.139	13.026.187.734

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.501.325.121	50.997.658.018
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.657.857.418	50.956.854.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.955.495	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.438	2.550

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. ~~Tình hoạt động liên tục của Công ty~~

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Loràn Hữu Đông

